

Ý nghĩa nhân tính trong văn hóa Cổ Hy Lạp

Nguyễn Đăng Trúc

I.1. Văn hóa và ý nghĩa nhân tính

Chúng ta chứng kiến vô số định nghĩa về văn hóa. Mỗi định nghĩa đều tiên kiến một nhận thức nào đó về nhân tính. Phát huy ý nghĩa nhân tính mà chúng ta tiên kiến như là một chân lý hiển nhiên, chúng ta gọi đó là sinh hoạt văn hóa trong nếp sinh hoạt ngày ngày của chúng ta.

Mỗi tác giả, mỗi thế hệ, mỗi truyền thống sinh hoạt văn hóa đông, tây, kim, cổ, cấp vùng, cấp quốc gia hay bộ lạc v.v. đều chiếu theo mẫu mực chân lý về nhân tính, mà người ta *tiên kiến đương nhiên phải là như thế*, để định chuẩn thế nào là văn hóa và thế nào thế nào là phi văn hóa.

Xuyên qua những hình ảnh rất linh động, cuốn *Tây Du Ký* của Ngô Thừa Ân vào cuối thế kỷ 16 phác họa những ý nghĩa nhân tính mà, trong mỗi giây phút, bất cứ nơi đâu, mỗi người trong chúng ta có thể tiên kiến và thực hiện ngay trong cuộc sống của mình. Rồi từ tiên kiến mê lam đó, mỗi người, mỗi nền văn hóa cứ nhắm mắt đi tới :

- Chúng ta có một **Tê Thiên**, con khi dựa vào sự hiểu biết để tự định nghĩa mình ngang Chúa Tể Trời Đất, một Adam và Eva muốn hiểu biết để bằng Thiên Chúa (theo *Thánh Kinh Do-thái giáo* và *Ki-tô giáo*), một Prométhée con người làm ra Trời trong Bi kịch *Prométhée bị trói* của thi hào Eschyle, một Oedipe nắm ánh sáng chân lý trong tay trong Bi kịch *Oedipe-Vua* của Sophocle, Hy Lạp, và đặc biệt hơn cả là *con người lý trí (homo sapiens)* của nền văn hóa truyền thống tây phương.
- Một **Trư Bát Giới**, con lợn chi biết ăn ngủ, hình ảnh con người chỉ nhận ra mình nơi sinh lực vũ trụ, con người hưởng thụ và vui chơi, một *homo ludens* làm chuẩn mực cho nhiều trường phái lãng mạn đông tây; và cũng là hình ảnh của con người của văn minh và văn hóa *tiêu thụ* thời hậu kỹ nghệ chúng ta đang sống.
- Một **Sa Tăng**, con dã tràng cần cù lao tác, tiên kiến ý nghĩa nhân tính nơi khả năng biến thiên nhiên thành thế giới văn minh, thành ‘Nhân Loại’ do bàn tay con người tác tạo, thành nếp văn hóa qua chính lao động của mình. Con người *homo faber* ấy một thời đã là mẫu mực cho nền văn hóa của thế giới cộng sản.
- Nhưng chúng ta cũng có một **Huyền Trang**, con người khiêm tốn khao khát đón nhận một Ánh Sáng từ « bên kia bờ » (Huyền) đến cứu độ để « ngộ » được nhân tính chân thật, - một Ánh sáng mà Tê Thiên, Trư Bát Giới, Sa Tăng... không hề biết đến-.

Ba hình ảnh Tê Thiên, Trư Bát Giới, Sa Tăng tiêu biểu cho vô số ý nghĩa nhân tính khác nhau mà, vì mang nghiệp¹ sai lầm gắn liền với số phận làm người, mỗi người chúng ta đều có thể « tự làm ra cho mình ». Ba hình ảnh tượng trưng cho vô số những nền văn hóa mà mỗi người, mỗi giai đoạn lịch sử, mỗi phương (đông cũng như tây), mỗi dân tộc ... tự xác quyết cho rằng truyền thống, nếp sinh hoạt của riêng mình là cho con đường chân lý duy nhất, cao cả và huy hoàng nhất.

¹ Cf. NGUYỄN DU, *Kiều* : « *Đã mang lấy nghiệp vào thân* » câu 3249 (theo bản văn được Nguyễn Văn Vĩnh chép lại, trong Kim Vân Kiều, Hà nội, NXB. Alexandre de Rhodes, 1943.)

Nhưng bên trên vô số² những con đường văn hóa do bàn tay con người làm ra xuyên qua lịch sử, còn có những trực giác *ngược đời* về ý nghĩa nhân tính, những trực giác đến với con người vượt lên trên những tiền kiến đang trói buộc con người và xã hội³. Còn có những Huyền Trang, những thánh hiền, những thi hào, những nhà tư tưởng có duyên tiếp nhận cảm hứng từ bên kia bờ ; họ nhắc chúng ta nên khiêm tốn và tỉnh thức nhận ra thân thế kỳ lạ của mình. Chúng ta hẳn là con người ; thế nhưng chúng ta đang nổi trôi giữa vô số những tiền kiến lạc lảm và mâu thuẫn về ý nghĩa nhân tính của chúng ta !

Bên trên những lối mòn văn hóa mà xã hội cho rằng *đương nhiên* phải là như thế, còn có ánh sáng do Lửa từ Trời, còn có cảm hứng đến từ « bờ bên kia », cảm hứng mà Nguyễn Du gọi là « giác duyên », hoặc là ơn lộc bất ngờ đến, có thể đưa con người trầm luân thoát ra cõi « bất nhân » và bước vào *cửa* của *nhà* nhân tính (Tiền Đường). Khi bước chân được vào Tiền Đường ấy, văn hóa hay tư tưởng sẽ không còn là nhắm mắt đi tới để phát huy một tiền kiến nào đó về ý nghĩa con người, nhưng là trực giác về ***ý nghĩa nhân tính như một vấn đề và mãi mãi sẽ như là vấn đề duy nhất.***

I.2. Phương pháp tiếp cận bộ môn văn hóa

Nếu văn hóa, tư tưởng, đạo lý... có nội dung thiết yếu là trực giác về vấn đề nhân tính, và thể hiện cuộc sống con người dưới ánh sáng của trực giác ấy, thì việc *tiếp cận bộ môn văn hóa* lại cần đáp ứng ba điều kiện căn bản này :

- ***Xác định nội dung văn hóa trong khuôn khổ của vấn đề ý nghĩa nhân tính*** : Một yếu tố hay sinh hoạt có tính cách văn hóa chỉ khi nó có tương quan trực tiếp đến nội dung thiết yếu này. Chẳng hạn khi muốn đề cập huyền thoại của dân tộc Việt Nam trong khuôn khổ văn hóa, thì huyền thoại đó phải được qui chiếu vào vấn đề khai triển ý nghĩa nhân tính; nếu không, thì việc làm này chỉ được xem là một đối tượng cho bất cứ một bộ môn nào khác mà thôi.
- Trực giác về ý nghĩa nhân tính phải được thể hiện qua một công đồng con người trong lịch sử, và phải là ***ương thường*** hay còn gọi là ***Đại Ký Úc*** làm giềng mối hướng dẫn cuộc sống làm người của cộng đồng liên hệ. Chẳng hạn như huyền thoại dựng nước của cộng đồng người Việt (chuyện Hồng Bàng Thi, chuyện Bánh Dày Bánh Chung, Chuyện Trầu Cau... ghi lại trong tác phẩm *Lĩnh Nam Chích Quái*), chẳng hạn như truyện *Kiều* của Nguyễn Du..., những nội dung như thế đều được hầu hết người dân xem là những ký ức muôn thừa, những hứng khởi quen thuộc gây cảm hứng cho các tập tục, giao tế, sáng tác nghệ thuật .v.v. Nếu một cô vật nào đó bất ngờ được đào bới lên, nhưng không một yếu tố nào của nó quen thuộc với tâm tư hay nếp sống người dân, thì đó chỉ là một món đồ cổ để trang trí cho vui, chứ không có chút hồn văn hóa nào.
- Điều kiện thứ ba, và cũng là điều kiện rất quan trọng giúp chúng ta tránh được những suy đoán chủ quan, những giải thích tùy hứng, thường có tính cách chính trị nhất thời hay nặng về ý hệ hơn là một lối tiếp cận có tính cách văn hóa. Điều kiện đó là ***chúng cứ hay vết tích cụ thể còn lưu lại và có thể truy cứu được.*** Những chứng cứ cụ thể

² Chỉ cần lược kê những chủ thuyết tự xưng là *nhân bản*, những định nghĩa đa biệt và mâu thuẫn nhau về nhân tính do những triết gia đưa ra, thì chúng ta cũng ý thức được tình trạng u mê lạc lảm của thân phận con người chúng ta.

³ Sách *Đạo Đức Kinh*, Ch. 2. gọi nghiệp sai lầm căn nguyên này bằng thành ngữ *thiên hạ*.

chẳng hạn như bản văn *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, tác phẩm *Lĩnh Nam Chích Quái* do Vũ Quỳnh hiệu chính, các tập tục nghi lễ của người Việt trong năm... Về mặt tiêu cực liên quan đến điều kiện này, thế giới không quên được lỗi làm văn hóa của Đức Quốc Xã trong thế kỷ 20, khi chế độ này nêu lên giả thuyết về chủng tộc Nhật-nhĩ-man là chủng tộc tinh tuyền và cao cả của người Đức !

II. Ý nghĩa nhân tính trong văn hóa Cổ Hy Lạp

Những nền văn hóa còn tồn tục và chi phối nếp sống thế giới chúng ta hôm nay có nhiều điểm trùng hợp kỳ lạ. Thật thế, những trực giác khai sinh ra chúng đều mang một nội dung duy nhất: *vấn đề ý nghĩa nhân tính*. Và về thời điểm, các nền văn hóa này hầu như cùng xuất hiện vào một thời mà triết gia Karl Jaspers gọi là *thời trực* (từ khoảng thế kỷ thứ VII trước công nguyên đến thế kỷ thứ V trước công nguyên).

- **Văn hóa Hy Lạp**: Thời Bi Kịch Hy Lạp [Eschyle (- 525/-457)- *Prométhée bị trói*, Sophocle (- 496/-406) – *Oedipe-Vua*; các nhà tư tưởng Héraclite (-544/-480), Parménide (-510/...), Socrate (- 470/-399)...

- **Văn hóa Trung hoa** : Lão Tử (khoảng -VI) ; Khổng Tử (-551/-479).

- **Đức Phật** (- 563/-483) và truyền thống Phật giáo.

- **Truyền thống Thánh Kinh Do-thái giáo và Ki-tô giáo** : Thời các Tiên tri (khoảng thế kỷ – IX đến –V), các Bản Thánh Kinh được ghi chép (khoảng –VII đến –V).

Để có một ý niệm về nội dung trực giác duy nhất của tư tưởng, của văn hóa theo các vị thánh hiền này, chúng ta nêu lên đây một số dấu tích nơi những nền văn hóa còn tồn tục.

II.1. Các nhà tư tưởng Bi kịch Hy Lạp

Các nhà tư tưởng Bi kịch Hy Lạp, đặc biệt Eschyle và Sophocle trong hai bản kịch *Prométhée bị trói* và *Oedipe-Vua*, là những chứng cứ hùng hồn về *vấn đề nhân tính* như là ưu tư duy nhất của văn hóa. Hai nhà nghiên cứu Jean-Pierre Vernant và Pierre Vidal-Naquet đã đưa ra nhận xét chính xác như sau trong tác phẩm *Mythe et tragédie en Grèce ancienne* :

« Người ta có thể luận chứng rằng ... Bi kịch Hy Lạp xuất hiện vào cuối thế kỷ thứ –VI khi lối nói thần thoại không còn tác dụng trên thực tế chính trị của Thành phố nữa... Trong bối cảnh mới của Bi kịch, vai người hùng không còn là một mẫu mực để nêu gương sáng; nhưng nó đã trở thành một vấn đề cho chính mình và cho kẻ khác... ».⁴

« Trong nhãn quan Bi kịch, người và sinh hoạt con người không được trình bày như những thực tại mà ta có thể định nghĩa hay mô tả, nhưng như những vấn nạn. Những

⁴ Jean-Pierre VERNANT et Pierre VIDAL-NAQUET, *Mythe et tragédie en Grèce ancienne*, édit. La Découverte, Paris, 1989, pp. 7, 14. « On peut soutenir ... que le genre tragique fait son apparition à la fin du VI^e siècle lorsque le langage du mythe cesse d'être en prise sur le réel politique de la cité... Dans le cadre nouveau du jeu tragique, le héros a cessé d'être un modèle; il est devenu, pour lui-même et pour les autres, un problème... »

nội dung này được xem là những ẩn số mà ý nghĩa song mang của chúng không bao giờ có thể thiết định và thấu triệt nổi. »⁵

Qua bản kịch *Prométhée bị trói*, Eschyle nêu lên cuộc chiến bi thảm làm nên đạo lý con người. Cuộc chiến làm người, cuộc chiến đem lại ý nghĩa cho nhân tính ấy được mô phỏng qua hai khuôn mặt, hai lý lịch mâu thuẫn của Prométhée :

- Một Prométhée ăn cắp lửa của Trời Cao, đánh tráo nguồn ánh sáng liên quan đến sự hiểu biết về ý nghĩa nhân tính và dẫn đưa con người vào đường lầm lạc. Prométhée này chỉ biết nguy cơ 'trước mắt' của con người nơi khổ đau thân xác - sinh, lão, bệnh, tử-, và tìm cách cứu con người bằng con đường hiểu biết, bằng khả năng làm nên xã hội văn minh, kỹ thuật, bằng việc tôn vinh thần thánh⁶ theo ước muốn và trí tưởng tượng của mình đi kèm với những phù phép, nghi lễ linh tính ..., nhằm tạo ra những hy vọng hão huyền⁷. Con đường này gọi là *Τέχνη* (là *Vi* trong Đạo Đức Kinh, là *Karma* trong ngôn ngữ nhà Phật, là *Tài* theo lối dùng chữ của Nguyễn Du, là *Ta tự làm ra Ta*). Con đường này là con đường mà *thiên hạ* (Xem chương II Đạo Đức Kinh), tức là chúng ta trong *nghiệp chết mắt nhân tính* hoặc quên lãng lý lịch của mình, đang đi.
- Nhưng còn có một Prométhée khác, Prométhée con của Thémis (Công Lý), chứ không phải Prométhée ăn cắp lửa vốn là con của Gaia (Thổ địa) tự nhận là Thémis. Prométhée này chia sẻ *khổ đau* cùng nàng trinh nữ Io (hình ảnh của nhân loại nguyên sơ vô tội). Khổ đau này liên quan đến *Κρόνος* là Thời riêng của nhân tính. *Κρόνος* là Thời mà con người không nhận ra, vì con người bị nghiệp làm che mờ đã giản lược vào thời gian vũ trụ, thời gian của « sinh, lão bệnh, tử ». Khi được cư ngụ nơi *Κρόνος*, Thời của nhân tính, nàng trinh nữ Io và Prométhée sẽ *khổ*, vì « từ bên kia bờ » (Eschyle gọi là từ *bóng đêm* đối chiếu với *ngày của lửa ăn cắp*) Đấng Siêu Việt luôn cháy lửa yêu thương và muốn đem ngày sống chung cùng giường với nàng để mối liên kết Trời-Người, là hôn nhân (*Γάμος*) làm nên sức sống mới của nhân tính⁸, được khai sinh. Nàng Io và Prométhée con của Thémis (Công Chính) khổ vì phải chết đi thân phận lầm lạc cũ, thân phận tự mãn, cô đơn không tương giao với Ai Khác. Họ khổ vì, nơi nhân tính mới được hình thành trong mối tương giao mới, Đấng Siêu Việt đến với con người luôn vượt lên tài sức hiểu biết và đo lường của con người. Và từ Lửa Trời, từ tình yêu siêu việt của Ai Khác bên kia bờ đến với mình, nay con người được nối kết với con người, - Prométhée nối kết với Nàng Io-, qua mối thông giao Nguồn Khổ là sinh lực mới của nhân tính. Sinh lực mới này giúp người con của Thémis hoàn thành nhân tính trong cuộc chiến với Hermès, sứ thần của thế giới ảo tưởng (của lửa ăn cắp), và kiên cường cư ngụ nơi Nguồn Khổ của *Κρόνος*, Thời của nhân tính (Xem phần kết Bi kịch này của Eschyle).

⁵ Ibid. p. 31. « Dans la perspective tragique, l'homme et l'action humaine se profilent, non comme des réalités qu'on pourrait définir ou décrire, mais **comme des problèmes**. Ils se présentent comme des énigmes dont le double sens ne peut jamais être fixé ni épuisé. ».

⁶ Xem ESCHYLE, *Prométhée bị trói*, 197-241 ; 476-506.

⁷ Sđđ, 248; 250 : « Prométhée – « Vâng, ta đã giải thoát con người khỏi sợ chết. » ... « Ta đã gieo vào lòng họ những ước mơ hão huyền ».

⁸ Sđđ, 647-653 : « Hỡi nàng trinh nữ đầy diễm phúc, tại sao Nàng còn giữ trinh, khi Nàng có thể có được vị hôn phu cao cả hơn mọi hôn phu ? Siêu Việt (Zeus) cháy lửa yêu Nàng, Ngài vì Tình nồng nàn luôn hướng về Nàng và muốn hưởng cuộc sống **hôn nhân** bên Nàng : hỡi người trinh nữ, hãy coi chừng, đừng nên cự tuyệt mối tương liên (**Γάμος**) này với Siêu Việt (Zeus)... ».

Sức sống văn hóa nay là *cuộc chiến làm người* giữa hai Prométhée, giữa *Tέχνη (Tài)* và *Μοῖρα (Mệnh)*, hai thân phận mâu thuẫn của nhân tính.

Qua kịch bản *Oedipe-Vua*, Sophocle lại đưa cuộc chiến làm người này đến mức rất ráo hơn nữa. Ca đoàn trong Bi kịch gọi đây là cuộc chiến kỳ diệu (*ἀπόλεμος ὄδε γ' ὁ πόλεμος*)⁹. Nó không còn được diễn tả gián tiếp như trong bản kịch của Eschyle, nhưng đây là cuộc vật lộn nêu đích danh hai bộ mặt, hai lý lịch của nhân tính :

- Một bên là Oedipe, - *homo sapiens*-, con đường (*Πους* = chân) của người hiểu biết (*Οἶδα* = biết, thấy) có hai mắt mở toang ra nhìn dưới ánh sáng của trí năng, của khả năng đo lường sự vật, chế ngự được thời gian và thân xác. Nhờ khả năng hiểu biết sự vật này, con người tạo ra cho mình một thế giới những ý tưởng trừu tượng, phổ quát, không đổi thay, « không chết ». Con người này tự định nghĩa nhân tính của mình như kẻ nắm ánh sáng hiểu biết trong tay¹⁰, biến thân thánh, con người, và mọi sự trên trời dưới đất thành những đối vật mà mình là chúa tể có khả năng chế ngự, thành những dụng cụ cho quyền năng thống trị duy nhất của mình. Trong thế giới của con người làm chủ tuyệt đối ấy¹¹, không có thần, không có người, chỉ có đối vật. Người hiểu biết này được mô tả là mất thần, vô thần (*Νῦν δ' ἄθεος μὲν εἰμ'*)¹², hay sát thần. Thay vì làm *Prométhée ăn cắp ánh sáng của Trời*, làm người vẽ bày thần tượng theo ý mình rồi cắm đầu chạy theo thần tượng ấy như bi kịch của Eschyle gợi lên, nay người hiểu biết Oedipe trong bi kịch Sophocle lại tự tuyên dương *chính mình là ánh sáng* (*ἐγὼ φανῶ*), là *cha đẻ ra nhân tính* của mình. Trên đường đi tìm Đạo bằng đôi mắt mở toang, chính Oedipe giết Nguồn ẩn kín ban cho mình lý lịch làm người (cha ruột Laios), rồi ngồi vào ghế của Vua Cha, và lấy cả Mẹ ruột Jocaste làm vợ. Mẹ Jocaste, Nguồn tình yêu ấy của Cha mình, là Thời¹³ đưa mình vượt lên trên thân phận các sinh vật trong vũ trụ, nay bị người hiểu biết *homo sapiens* giản lược thành thời gian của thế giới tự nhiên mà mình có thể chế ngự (thành vợ) để sinh ra muôn ngàn ý niệm về người, muôn ngàn định nghĩa nhân tính dị dạng¹⁴, rợp khôn theo ý thích và tưởng tượng của trí khôn.

⁹ ESCHYLE, *Prométhée bị trói*, 902-905 : «*Khi Trời Cao đoái đến tôi, yêu thương tôi, thì tôi không làm sao tránh né được ! Đây là cuộc chiến thần thánh (ἀπόλεμος ὄδε γ' ὁ πόλεμος), tài năng sức lực con người của tôi làm sao đương đầu đây !* ».

¹⁰ Xem SOPHOCLE, *Oedipe-Vua*, câu 132. Oedipe: «*Tôi nắm vụ việc lại từ đầu và tôi rọi soi ánh sáng (ἐγὼ φανῶ)* ».

¹¹ Tên bản bi kịch là *Οἰδίπους τύραννος* - *Oedipe-Vua* ; *τύραννος* nghĩa là nhà độc tài.

¹² Xem *Sđd.* 1360-1361, Oedipe: «*Nay (ở bên này bờ) tôi là kẻ mất thần, con của cha mẹ vô thần, lấy chính mẹ sinh ra mình để đẻ ra vô số con cái vô luân - Νῦν δ' ἄθεος μὲν εἰμ', ἀνοσκόων δέ παῖς, ὀμογενῆς δ' ἀφ' ὧν αὐτὸς ἔφην τάλας.*».

¹³ Tư Tưởng Bi Kịch Hy Lạp gọi là *χρόνος*, Thời bên kia bờ thời gian vũ trụ, Thời được gọi là Nguồn Khô, làm cho con người luôn hướng về Siêu Việt và đưa cao con người vượt lên trên vũ trụ tự nhiên. Lão Tử, *ch. XV*, bắt đầu bằng « *Cổ chi* » (Đời xưa), còn Không thì nói đến *Thời Nghiêu Thuấn*, đúng là Thời (*χρόνος*) ẩn dấu và là thời riêng của nhân tính, thời vượt lên trên thời gian vũ trụ của tư tưởng Cổ Hy Lạp.

¹⁴ Những nhân tính mà ngày nay ta thường gọi tên là những *chủ thuyết nhân bản, những ý hệ* đa biệt đang phát sinh ngày mỗi nhiều trên thế giới.

- Nhưng gắn liền với một *homo sapiens* Oedipe mất thần đó (*ἄθεος*), còn có con người linh-ư-vạn-vật, một Oedipe mang dấu tích KHỔ ở chân do người Cha ẩn kín Laios ghi khắc¹⁵ nhằm giúp con người mang nghiệp lạc lầm nhận ra nhân tính hay lý lịch siêu việt. Thật thế, tên gọi Oedipe có nghĩa là bước chân ‘người tài trí’ *homo sapiens* (*Οἶδα*), nhưng đồng thời cũng có nghĩa là ‘người mang thương tích khổ đau ở chân’ (*Οἶδι - Οἶδαλέος*). Trong thân phận *tại thế lạc lầm* của Oedipe, Nguồn Khổ là Mẹ Jocaste, hiện thân cho Lửa Trời, cho tình yêu của Cội Nguồn Siêu Việt ẩn kín Laios, cho nỗi Nhớ Laios¹⁶. Nguồn Khổ Jocaste này là Thời mới, là Mẹ tái sinh một nhân tính chân thật được nuôi dưỡng bằng *mối tương giao với Cội Nguồn thần thánh*. Mỗi tương giao căn nguyên làm nên nhân tính được Sophocle gọi là *hôn nhân* (*Γάμος*) giữa con người và Người Cha ẩn kín. Chính mối tương giao mới này (chiều kích Trời, chiều kích thần thánh của con người) sẽ tố giác sai lầm¹⁷ của con người, khi con người dựa trên mối tương giao giữa ‘chồng Oedipe’ và ‘vợ Jocaste’ (giữa con người và thiên nhiên bên ngoài, mối tương giao mà ta thường gọi là *lý trí*, là thước đo Đất) để định nghĩa nhân tính. Trong mối tương giao mới làm nên nhân tính, Thần và người chung quanh mình luôn là *Kẻ Khác* và những người *khác*, theo nghĩa là siêu việt, vượt lên trên mọi hình thức đo lường của tài trí con người. Nhân tính không còn bị tiền kiến là một bản thể bất biến và cô đơn tự mãn, một chủ thể chế ngự những đối vật trong thế giới ý tưởng (ý thức hệ) do mình tạo ra nữa ; nhưng nay là *mối tương giao giữa người với Kẻ Khác và với những người khác*, mãi mãi là khác mình nhưng luôn nối kết với mình. Khi đưa tay lấy kim găm trên áo Mẹ Jocaste, là Nguồn Khổ - Nỗi Nhớ Laios-, để đâm vào mắt chính mình hầu tiếp nhận Nỗi Nhớ Nguồn, Oedipe thông dự vào Ánh sáng mà đôi mắt mở toang của trí khôn luôn bắt cập, thông dự vào Ánh sáng ‘từ bên kia bờ’ mà đôi mắt mù của tiên tri Tirésias, kẻ phát ngôn Chân Lý và am tường lý lịch thật cũng như tội ác của Oedipe, là tượng trưng. Và trong Nỗi Nhớ đến từ Nguồn Khổ nơi Mẹ Jocaste, Oedipe không còn nhìn những người dân Thành Thèbes là thần-dân, là đối vật ‘*dùng*’ cho quyền uy hiểu biết của mình. Nhưng nay họ là những con người, những « người khác » giống mình, cùng mình chia sẻ Nỗi Nhớ Nguồn, và nối kết với mình để cùng nhau hoàn thành nhân tính chung trong Nỗi Nhớ căn nguyên này (Xem phần hai của Bi kịch).

II. 2. Tư tưởng thi ca của Héraclite và Parménide

Nhân tính gắn liền với hai thân phận căn nguyên

¹⁵ Xem *Sđd.* 713-714. Jocaste : « ...Đứa bé khi sinh ra chưa đầy ba ngày thì Laios đã ghi khắc vết thương đau ở chân và quăng trên một ngọn đồi hoang vu ».

¹⁶ Xem *Sđd.* 1245-1248. Sứ giả : « Nàng (Jocaste) kêu đến Laios đã khuất từ muôn thủa. Nàng gọi tên những người con mà Laios đã cho Nàng, và cũng chính những người con này mà Laios đã bị giết, để tiếp đó chúng ép Nàng gian dối với chúng và sinh cho chúng một hậu duệ dị dạng kinh hoàng. ».

¹⁷ Xem *Sđd.* 1213-1215: Ca đoàn : « ... Thời (*Κρόνος*) thấy rõ mọi sự đã tố giác tội ác người, dù người không muốn nghe. Thời ấy lên án hôn nhân quái dị (*ἄγαμον γάμον*) từ đó đã bao đời sinh ra một người cha (Oedipe) và vô số người con. *Ἐφηῦρές ἄκονθ' ὁ πάνθ' ὀρών χρόνος· δικάζει τὸν ἄγαμον γάμον πάλαι τεκνούντα καὶ τεκνοῦμενον.* ».

- vừa có thể chết mất vì mê lầm bởi **Tài** mà mình hiện mang vào thân,
- lại vừa có thể được **Mệnh** là Khổ cứu độ để thức tỉnh và tìm lại lý lịch ẩn kín của mình,

nên con đường hoàn thành nhân tính, hoặc còn gọi là Đạo làm người, là một *cuộc giao tranh thần thánh*, một cuộc giao tranh mà không vị thánh hiền đông tây, cổ kim nào lại không cảm hứng và không xem đó là cốt lõi của văn hóa.

Sophocle ca ngợi cuộc giao tranh thần thánh ấy như sau :

Ca đoàn : « Đây là cuộc chiến vinh quang đem lại sự sống cho dân nước, xin Trời đừng bao giờ để nó phải ngưng nghỉ.- Τὸ καλῶς δ' ἔχον πόλει πάλαισμα μήποτε λῦσαι θεὸν ἀποῦμαι »¹⁸.

Thật thế, bên trên lối nhìn của nhà tư tưởng 'đo đất' Aristote từng mô tả Héraclite, Parménide, Socrate là những nhà hiểu biết truy tìm bản thể của các sự vật (*physiologues*), một lối nhìn được truyền thống triết học lặp đi lặp lại, chúng ta có thể gặp được nơi các hiền nhân Hy Lạp này những cảm hứng thi ca đến từ bên kia bờ mặt khái nội dung duy nhất, đó là vấn đề ý nghĩa nhân tính và đạo lý làm người nơi cuộc chiến vinh quang. Họ không truyền đạt gì khác hơn ngoài những cảm hứng mà các nhà tư tưởng Bi kịch đã gọi lên.

Héraclite đã mở đầu cuốn sách của mình bằng câu : « **Λόγος** (Lý, Tương giao) người ta/ mãi mãi/ không thể biết được - (τοῦ δὲ) λόγου τοῦδ' ἕντος (ἀεὶ) ἀξύνετοι γίνονται ἄνθρωποι) ».¹⁹ Đây là câu tóm kết toàn bộ tư tưởng của Héraclite²⁰, một câu nói mà truyền thống Tây phương xem như viên đá xây dựng nền móng văn hóa và tư tưởng.

Nhưng đây cũng là viên đá làm vấp ngã. Và vấp ngã như thế vốn là nghiệp chướng của bất cứ nền văn hóa nào, vì văn hóa vốn gắn liền với thân phận 'có thể làm lạc tự căn' của con người.

Vào giai đoạn hai của tư tưởng của Platon, còn gọi là thời xây dựng hệ thống triết học, và nhất là trong các tác phẩm của Aristote, **Λόγος** được hiểu là lý (*ratio, la raison*), là sợi giây nối kết hay sức sống của vũ trụ và đồng thời cũng là khả năng am tường của con người về lý ấy. Với ý nghĩa này của **Λόγος** (Lý), con người nhận ra mình là chủ vũ trụ²¹ và định vị lý lịch được xem là cao cả của mình. Con người đo lường được vũ trụ và từ đó cũng đo lường được lý lịch của mình dựa vào cùng một loại thước đo. Con người như thế thường được gọi là *con người có lý trí* hoặc *con người hiểu biết* (*homo sapiens*). Cũng vì thế Aristote gọi các nhà tư tưởng tiền-Socrate là

¹⁸ SOPHOCLE, *Oedipe-Vua*, câu 879-880.

¹⁹ Trong cuốn *Rhétorique* Γ 5, 1047 b của Aristote, người ta đọc được đoạn văn này : « Thật thế, việc chăm câu để đọc Héraclite quả là vấn đề, vì khó biết chữ ông dùng liên quan đến ý đi trước hay ý đi sau trong câu. Chẳng hạn, khi bắt đầu tác phẩm của mình, Héraclite viết : « (τοῦ δὲ) λόγου τοῦδ' ἕντος (ἀεὶ) ἀξύνετοι γίνονται ἄνθρωποι) » « **Λόγος** (Lý, Tương giao) người ta / mãi mãi / không thể biết được ». Ở đây, ta không biết / mãi mãi (ἀεὶ) / gắn liền với nội dung nào, để chăm câu cho đúng ».

²⁰ Héraclite, Parménide, Socrate được truyền thống triết học xem là ba cột trụ. Jean BEAUFRET, trong biên khảo *Dialogue avec Heidegger*, tr. 38, đã viết : « Avec Héraclite et Parménide, c'est la fondation même de la pensée occidentale qui s'accomplit. »

²¹ Xem ý nghĩa chữ 'Vua' trong tựa đề bi kịch *Oedipe-Vua* của Sophocle. Và trong *Tây Du Ký*, con khi hiểu biết cầm cái thước đo đất, có tên là Tề Thiên (bằng Trời)

những nhà vật lý (*physiologue, physicien*) hoặc là những nhà thâm cứu về nguyên lý của vũ trụ. Và từ đó, với ánh sáng của người hiểu biết chỉ thấy được tương giao con người và vũ trụ - tương giao mà Sophocle gọi là hôn nhân dị dạng (*ἄγαμον γάμον*) giữa Oedipe và Jocaste -, *Λόγος* của hiền nhân Héraclite bị giản lược thành *lý trí*, thành *thước đo đất*. Héraclite nay trở thành một nhà 'đo đất' (*géo-mètre*) chấp chững đi vào khoa học về nguyên lý vũ trụ, như lời đánh giá minh nhiên của Aristote trong quyển đầu của tác phẩm Siêu Hình Học (*Métaphysique*)²².

Nhưng bên cạnh một Héraclite bị biến thể thành nhà « đo đất », những tác phẩm đầu của Platon²³ còn cho biết có những nhà tư tưởng thi ca Cổ Hy Lạp, trong đó có Héraclite, chỉ ưu tư về thân phận con người, chứ không màng kiến thức nào khác (*rien de trop*). Và *Λόγος* nêu lên ở đầu câu và đầu tập sách của Héraclite là mối tương giao làm nên nhân tính như Eschyle, nhà tư tưởng đương thời với ông, đã gọi lên qua chữ *Γάμος* (và Sophocle sẽ dùng lại). *Λόγος* cũng là *Γάμος*, là tên gọi nhân tính chân thật được kết dệt nơi hôn nhân giữa Đấng Siêu Việt (Zeus trong đêm) và nàng trinh nữ Io. *Λόγος*, *Lý cao cả*, Tương giao kỳ bí, không phải là *lý* (*la raison*) được hiểu là khả năng hiểu sự vật hoặc là lửa của Prométhée, tên đánh tráo Lửa từ Trời. Ngược lại, « bên kia bờ » của thước đo đất, của ánh sáng hiểu biết con người và của thời gian vũ trụ đang đổi thay, *Λόγος* là mối Tương giao của Sấm Sét²⁴, của Lửa Trời bất ngờ đến với con người. Tương giao mới này đốt cháy và tiêu hủy 'con người được định nghĩa trong khuôn khổ ánh sáng đo đất' thành tro bụi, và thổi vào con người một thần lực²⁵ mới, nâng con người siêu vượt lên trên vũ trụ (*linh u vạn vật*).

Với trực giác về *Λόγος* đến từ Trời, con người nhận ra mình mang hai thân phận gắn liền với hai lý lịch, hai ý nghĩa về « lý », hai tương giao mâu thuẫn loại trừ nhau²⁶. Nay con người được đưa vào cuộc chiến (*Πόλεμος*)²⁷ để hoàn thành nhân tính, một cuộc chiến vượt lên trên tất cả những tương phản trong thiên nhiên và những biện chứng phát xuất từ nhận thức con người. Chính cuộc chiến thần thánh này gây cảm hứng cho tư tưởng Bi kịch Hy Lạp, và đó cũng là nội dung duy nhất nơi Đạo lý của các thánh hiền cổ kim đồng tây.

Song song với Héraclite, thi hào Parménide, một cột trụ khác của văn hóa Cổ Hy Lạp cũng không tuyên dương gì hơn ngoài Đạo lý làm người được trực giác như là cuộc chiến giữa hai thân phận mâu thuẫn gắn liền với nhân tính. Và y như trường hợp của tư tưởng Héraclite, *Bài Thơ* của Parménide, vốn là trực giác *con người là ai*, vốn là tư tưởng 'thi ca hướng đến mặt khải về nhân tính', thì cũng đã bị lịch sử văn hóa biến thành một bản lược khảo về hữu thể, - một hữu thể được giải thích là bản chất mọi sự vật dưới quyền uy của lý trí hiểu biết, của khả

²² Xem ARISTOTE, *Physique* I 184 a – 192 b ; *Métaphysique* A 1- A6.

²³ Xem PLATON, *Le Grand Hippias*, 289 a.

²⁴ Xem Héraclite đoạn văn 64 : « *Sấm sét điều hành tất cả - τὰ δὲ πάντα οἰοκκεῖ κεραυνός.* »

²⁵ Xem Héraclite đoạn văn 119 : « *Nét riêng của con người là thần - ἦθος ἀνθρώπου δαίμων.* ».

²⁶ Không có mâu thuẫn giữa *Λόγος* đến từ Trời và khả năng lý trí, xét từ nội dung riêng của chúng. Nhưng trong tư tưởng của các nhà tư tưởng Cổ Hy Lạp sở dĩ có mâu thuẫn là vì tư tưởng chỉ nhằm nói đến thân phận con người. Và trong khuôn khổ ý nghĩa nhân tính, con người tự căn mang nghiệp lầm khi tiền kiến khả năng hiểu biết (*đo đất*) là *Λόγος*. Do đó hai tương giao này lại bị đặt vào thế tương tranh loại trừ nhau.

²⁷ Xem Héraclite đoạn 53 : *Cuộc chiến là cha mọi người, là vua tất cả ; nó định cho những người này là thần, những kẻ khác là người; nó đánh giá những người này là nô lệ, những kẻ khác là tự do - Πόλεμος πάντων μὲν πατήρ ἐστι, πάντων δὲ βασιλεύς, καὶ τοὺς μὲν θεοὺς ἔδειξε τοὺς δὲ ἀνθρώπους, τοὺς μὲν δούλους ἐποίησε τοὺς δὲ ἐλευθέρους.* ». (Hippolyte, *Réfutation des toutes les hérésies*, IX, 9, 4.). Chữ « *Πόλεμος* » của Héraclite cùng nghĩa với « *ἀπόλεμος* ὅδε γ' ὁ πόλεμος », trong *Prométhée bị trói*, 902-905 của ESCHYLE (xem chú thích 10).

năng đo đạc-. Nói cách khác, từ một thánh hiền Parménide trong văn hóa Cổ Hy Lạp, nay truyền thống triết học (đặc biệt từ Aristote) đã giáng xuống thành nhà vật lý (*physiologue*) truy nguyên nền tảng muôn vật trong vũ trụ. Từ cuộc chiến thần thánh làm người giữa hai tương giao mâu thuẫn loại trừ nhau mà các nhà tư tưởng Bi kịch cũng như Héraclite đã trực giác được, nay, với tiên kiến về ý nghĩa nhân tính nằm trong khả năng đo lường sự vật, nó lại bị thái hóa thành cuộc xung đột giữa một bên là bản thể thường hằng (*permanent*) và khả tri (*intelligible*) của mọi vật²⁸, và bên kia là thế giới khả giác (*sensible*) và đổi thay (*changeant*) tùy thuộc vào không gian và thời gian.

Bài Thơ của Parménide thật sự bắt đầu bằng những hình ảnh cuộc gặp gỡ giữa các *con gái của Mặt Trời* (*Ἡλιάδες*)²⁹ với con người, để con người gặp (ngộ) được ánh sáng mới (*εἰδότα φῶτα*)³⁰ và được đưa qua « bên kia bờ », vượt qua trí năng hiểu biết (*βροτῶν δόξα*)³¹ sự vật.

Dẫn nhập *Bài Thơ* của Parménide cũng là một định nghĩa về ý nghĩa thi ca trong tư tưởng các thánh hiền xưa. Trong giai đoạn tư tưởng thi ca của Platon, đặc biệt trong *Đối thoại Ion*, ta đọc lại được nội dung những câu thơ nhập đề của *Bài Thơ* Parménide qua lời diễn tả hùng hồn của Socrate :

« Không phải do tài năng nào của mình mà các thi sĩ làm thơ, nhưng là do cảm hứng từ một quyền năng của Thần. Vì nếu dựa vào một tài năng trình bày lưu loát như người ta thường làm được trong các bộ môn nào đó, thì phải chăng thi ca cũng chỉ là một bộ môn nào bất kỳ hay sao! Bởi vậy, Thần đã xóa hết tài năng lý trí con người để dùng họ làm thi sĩ, cho họ nhập Thần và trở nên những tiên tri của Trời. Nhờ thế khi nghe lời thơ của các thi sĩ, thì chúng ta hiểu được rằng không phải do chính tài năng họ mà họ có được những giá trị cao cả, bởi lẽ lúc ấy họ đã bị tước hết tài trí của mình rồi; nhưng chính Thần nói, Thần chuyển lời của Thần đến với chúng ta qua trung gian các thi sĩ !... »³².

Trong *Sách Luận Ngữ* (XVI, 13), Đức Khổng, người đương thời với các nhà tư tưởng Cổ Hy Lạp cũng nói rất cô động thể này để dạy con là Bá Ngự : « *Bất học Thi, vô dĩ ngôn* (Không học Thi, không lấy gì để nói.)»

Nhưng Thi ca nói về nội dung nào đây mà con người cần phải được Thần đưa qua « bờ bên kia » mới lên tiếng và nói được ? Không phải con người đã có thể biết được sự vật và gọi tên, phân biệt được vật này với vật kia hay sao ?

Kỳ thực, khi nói đến Thi ca, các vị thánh hiền, các Kinh Sách các tôn giáo..., hẳn không phải ghi lại lời ca ví von diễn tả vũ trụ hay một xúc động bất kỳ nào đó của con người. Nhưng Thần Thi chỉ cảm hứng một nội dung duy nhất, đó là ý nghĩa nhân tính. Trong bối cảnh này, *Bài Thơ* của Parménide cũng chỉ ghi lại cảm hứng độc nhất là mặc khải ý nghĩa nhân tính này. Và những từ ngữ chỉ đạo như tư tưởng (*νοεῖν*), nguyên tính (*εἶναι*)³³ trong *Bài Thơ* cũng chỉ trực tiếp nói đến nhân tính mà thôi, chứ không hề mô tả nguyên lý hay bản thể nào của các sự vật. Con người giác ngộ (*εἰδότα φῶτα*), tư tưởng (*νοεῖν*), nguyên tính (*εἶναι*) cũng là nhân tính duy nhất, nhân tính trong mối tương giao với Kẻ Khác, nhân tính được soi sáng bởi Mặt Trời bên kia bờ. Vì thế,

²⁸ Dĩ nhiên Thần Thánh và con người cũng nằm trong vùng đất của mọi vật đó, vì thế trong tư tưởng triết học, câu hỏi về Thần, về người và bất cứ về vật gì cũng bắt đầu bằng « cái gì ? » : *Thần là cái gì ? Người là cái gì ? Cái bàn là cái gì ?*

²⁹ PARMÉNIDE, *Bài Thơ*, I.9.

³⁰ *Sđđ*, I.3.

³¹ *Sđđ*, I.30.

³² PLATON, *Ion*, 534 c-d; 534 e..

³³ PARMÉNIDE, *Bài Thơ*, III: « *Vì tư tưởng và nguyên tính là một nội dung - τὸ γὰρ αὐτὸ νοεῖν ἐστὶν τε καὶ εἶναι.* ».

những thành ngữ ấy không có nội dung nào khác hơn *Λόγος* của Héraclite, hay *Γάμος* của Eschyle và Sophocle.

Nhưng con người cũng là con người đang được soi dọi bởi ánh sáng hiểu biết (*δόξα*) của bên này bờ³⁴ và đang ở trong ‘Ngày Hôm Nay’ của người mất đi hơi thở Thần thánh³⁵ như lời thú nhận của Oedipe trong bản Kịch của Sophocle. Dưới ánh sáng này, với thước đo của hiểu biết con người để tự định nghĩa nhân tính, mỗi người đã đẻ sinh ra vô số lý lịch³⁶ sai lạc về mình. Và những con đường phát xuất từ những nhân tính giả tạo này là vòng quay của bên mê : « *Τάτ' ἅπαντα = βροτοὶ εἰδότες οὐδέν* = những con người ở trong cõi chết đó, những con người không ngộ được ánh sáng bờ bên kia) không miễn trừ ai, con đường họ đi là bên mê không lối thoát - *πάντων δὲ παλίτροπος ἔστι κέλευθος*.»³⁷.

Kỳ cùng, Văn hóa, Đạo lý hay Tư tưởng cũng chỉ cô đọng trong một nội dung duy nhất là tham gia cuộc chiến làm người, - cuộc chiến phát xuất từ hai thân phận luôn gắn liền với nhân tính-, cuộc chiến³⁸ giữa nguyên tính (*εἶναι* – l’être), một lý lịch người được Thần (*Δαίμονος*)³⁹ soi sáng và thổi hơi vào ban sự sống (*εἰδὸτα φῶτα*) và một lý lịch người có khả năng làm ra muôn biến thể dị dạng, muôn ảo tưởng (*μὴ ἔόντα* – les non-êtres) về nhân tính theo ý thích và theo khả năng đo lường sự vật của mình.

II. 3. Tư tưởng Socrate

Cuộc chiến làm người mà các nhà Bi Kịch, các nhà tư tưởng Héraclite, Parménide nêu lên trong các kịch bản, trong thi ca..., thì với Socrate, nó lại được làm chứng, không những qua lời giảng dạy mà vị hiền nhân này chia sẻ, nhưng qua chính cuộc sống và cái chết của ông. Socrate là hiện thân của một Prométhée (xem *Prométhée bị trói* của Eschyle) bị cột buộc vào hai thân thể, vừa là con của Gaia (Đất) tự nhận là Thémis (Công Lý)⁴⁰ lại vừa là con của Thémis. Socrate ấy cũng là kẻ tham gia cuộc chiến giữa hai lý lịch Oedipe. Một bên là Oedipe « đo đất », lấy chính Mẹ mình là Jocaste làm vợ và đẻ những ý hệ, những ảo tưởng về nhân tính, những mẫu người dị dạng ; và một bên là Oedipe nhận ra Thời riêng của con người, nói lại

³⁴ Xem *Sđd.* VI 4- : « *U mê của con người, những kẻ lạc lầm, chúng là kẻ vô Tri - ἦν δὴ βροτοὶ εἰδότες οὐδέν πλαττονται, δίκρανοι.* ».

³⁵ Xem SOPHOCLE, *Œdipe-Vua*, câu 1360: «... *Nay, tôi là kẻ mất Thần - Νῦν δ' ἄθεος μὲν εἰμι.* ».

³⁶ Xem PARMÉNIDE, *Bài Thơ*, VII, 1: *μὴ ἔόντα* (les-non-êtres).

³⁷ *Sđd.*, VI, 9.

³⁸ Xem *Sđd.* VII, 1: « *Không bao giờ được quyền giảm lược Nguyên Tính với những ảo tưởng - Οὐ γὰρ μήποτε τοῦτο ἀμῆναι εἶναι μὴ ἔόντα.* ».

³⁹ Xem *Sđd.*, I, 1-3: « *Con người giác ngộ (εἰδὸτα φῶτα) được soi dọi bởi Thần, được dẫn đi trên con đường của Thần (ἵπποι ταί με φέρουσιν, ὅσον τ' ἐπὶ θυμῷ ἰκάνοι, πέμπον, ἐπεὶ μ' ἐς ὁδὸν βῆσαν πολύρρημον ἄρουσαι δαίμονος, ἣ κατὰ πάντ' ἄστη φέρει εἰδὸτα φῶτα.)* ».

⁴⁰ ESCHYLE, *Prométhée enchainé*, câu 209-210: « *Mẹ tôi dưới hai tên gọi Thémis và Gaia... - ἐμοὶ δὲ μήτηρ οὐχ ἄπαζ μόνον Θέμις καὶ Γαῖα* ». Đây là thú nhận của một Prométhée, tên ăn trộm lửa Trời.

với Khô nơi Mẹ Jocaste là hiện thân Nguồn Nhớ Laios, Cha nguyên thủy dấu mặt nhưng ban cho Oedipe lý lịch căn nguyên.

Cuộc chiến đó, không những là cuộc chiến mà Socrate đã chứng nghiệm nơi bản thân như lời tự thú của ông trong *Lời biện hộ*⁴¹ trước tòa án Nhã Điển; nhưng hơn thế nữa, nó còn phản ảnh nơi vận mệnh văn hóa nhân loại qua hai lối trình bày lý lịch Socrate mâu thuẫn nhau xuyên qua những tài liệu viết về ông. Hai lý lịch mâu thuẫn đó không phải do những kẻ đối đầu với Socrate xuyên tạc và bày chuyện viết ra, nhưng do chính Platon, người đồ đệ và cũng là chứng nhân trực tiếp và đáng tin cậy nhất của Socrate, ghi lại.

Thật thế, trong các tác phẩm vào giai đoạn đầu của Platon, chúng ta có một thánh hiền Socrate thuộc giòng tư tưởng bị kịch và thi ca, một Socrate đối đầu với những người đương thời tự cho mình tài trí, hiểu biết (*sophistes*) như Protagoras, Gorgias, Hippias. Nhưng trong các tác phẩm vào giai đoạn hai, chúng ta lại chứng kiến một Socrate đồng tâm, đồng chí, đồng thanh với những kẻ đối đầu lên án ông⁴², một Socrate truy tìm nguyên lý⁴³ hiểu biết về sự vật để từ đó định nghĩa lý lịch con người.

Trong cuốn *Biện hộ Socrate*, một trong những tác phẩm đầu tay của Platon, Socrate định nghĩa hết sức rõ : Đạo lý, khôn ngoan mà ông truyền bá chỉ là « hiểu biết về người - *ἄνθρωπον σοφία* – *sagesse d'homme* », và chỉ giới hạn trong nội dung đó. Nói cách khác, **đối với văn hóa và tư tưởng, nếu không đặt nhân tính làm nội dung duy nhất, thì theo Socrate chúng ta đang nói về một kiến thức nào đó chúng không nói đến văn hóa :**

« Xin quý vị ý thức điều này : lời tôi sắp nói đây hoàn toàn là sự thật. Hỏi người Nhã điển, người ta đồn tôi là người hiểu biết. Nhưng, thật sự thì biết được điều gì ? (Tôi xin trả lời) đây là sự khôn ngoan, hiểu biết liên quan đến nhân tính - *ἄνθρωπον σοφία*»⁴⁴.

Như thế, sự kiện ông đối đầu với các kẻ tự nhận là khôn ngoan không hề có nghĩa là ông chủ trương ngu dân, chống lại việc cổ súy các kiến thức về sự vật và các tiên bộ khác của văn minh. Thật thế, qua những trang sách của Platon, ai cũng thấy Socrate là người có nhiều kiến thức, tranh luận sắc bén khi đối diện với các đối thủ của mình. Và Socrate ấy cũng không giả hình khi khen ngợi tài ba của các đối thủ chống lại ông.

Kỳ thực, các kẻ tự nhận là khôn ngoan được nêu lên như là đối thủ không phải vì kiến thức của họ, nhưng vì họ đã lấy nguyên lý và thước tắc đo lường sự vật (*le principe d'identité des choses et aussi le principe de la connaissance de ces choses*) để định nghĩa lý lịch con người (*l'identité de l'homme - ou l'humanité*). Câu châm ngôn của Protagoras là một tiêu biểu : « Mọi người trong chúng ta đều là thước đo mọi vật »⁴⁵. Châm ngôn ấy tiền kiến con người là một bản thể, một vật trong muôn vật của vũ trụ, con người chỉ biết dùng thước đo mọi vật (đo đất) để đo chính nhân tính mình và dưới ánh sáng đo lường đó. Trước tòa án Nhã điển, Socrate nói về sự thái hóa nhân tính do lối đo lường này của những kẻ tự nhận là khôn ngoan như sau :

⁴¹ PLATON, *Biện hộ Socrate*, 31 c, d: « Nguyên do (của con đường đạo lý của tôi) phát xuất từ điều mà các người đã nghe tôi nói nhiều lần vào nhiều lúc khác nhau: đó là có cái gì đó linh thiêng và thần thánh đến với tôi, một điều mà Méléto bắt chước một tác giả hài kịch từng nêu lên để tố giác tôi. Những việc lạ lùng như thế tôi đã từng gặp lúc tôi còn bé: có một lời nói bên trong tôi, và mỗi lần như thế, thì tiếng nói đó ngăn không cho tôi làm điều tôi có thể sắp làm... Tôi nghĩ đây thật đúng là một sự xung khắc may mắn. »

⁴² Chẳng hạn, trong cuốn *Bữa tiệc* 192 e - 193 a, Aristophane, người từng kết án tư tưởng của Socrate, cho rằng lời dạy của Socrate là hoang đường, thì nay là trở thành một thi nhân tiên tri đem lại cảm hứng cho tư tưởng của chính Socrate.

⁴³ Đặc biệt xem các tác phẩm *Le Phèdre*, *Le Cratyle*, *Le Théétète*, *Le Parménide*, *Le Sophiste*.

⁴⁴ PLATON, *Biện hộ Socrate*, 20 d.

⁴⁵ PLATON, *Théétète* 166 d.

« Hồi công dân thành Nhã điển, tôi nghĩ rằng lỗi của những người (tự nhận là) thi sĩ cũng là lỗi của những nhà có đầy kiến thức tài ba chuyên môn (excellents professionnels) ở điểm này : họ dựa trên tài ba chuyên môn của họ rồi cho rằng họ có thể có sự khôn ngoan hoàn bị, ngay cả trong những vấn đề quan trọng nhất. Hơn thế nữa, cao vọng ấy lại che lấp không cho họ tiếp cận được khôn ngoan khác. Cũng vì thế, tôi tự xét lại mình dưới ánh sáng của sấm ngôn để quyết trung thành với đường lối mình đang đi, và không chạy theo khôn ngoan của những người mà tôi vừa nhắc đến, và cũng không u mê trong con đường lạc lảm của họ. »⁴⁶

Và để phân biệt đạo lý của nhân tính (ἄνθρωπον σοφί) với sự hiểu biết quá lạm về nhân tính của những kẻ tự nhận là khôn ngoan, Socrate khiêm tốn trình bày như sau :

« Về đạo lý, nếu tôi có đôi chút, và về nét đặc trưng của đạo lý ấy, người chứng cho tôi sẽ là Thần ở đền Delphes »⁴⁷.

Trong *Đối thoại Le Protagoras*, Platon không những lưu lại cho hậu thế một chứng cứ cổ xưa nhất, hùng hồn nhất về văn hóa, tư tưởng Cổ Hy Lạp, mà xuyên qua đó Platon còn định vị Socrate nằm trong truyền thống liên tục của giọng văn hóa này. Nền văn hóa này có nét đặc trưng là cảm hứng được Λόγος, Lời của « Thần ở đền Delphes », « Lời bên kia bờ » đến và gọi tên con người ở « ngôi thứ hai », - « *Này người (anh, chị, ông, bà), hãy biết mình !* » và « *Đừng quá lạm* » - :

« Trong số những người ấy có Thalès thành Milet, Pittacos thành Mytilène, Bias thành Priène, ngài Solon của chúng ta, Cléobule thành Lindos, Myson thành Khênè, và vị thứ bảy trong họ, như người ta nói, là Chilon thành Lacédémone. Tất cả những vị này đều yêu thích văn hóa Lacédémone. Đạo lý của họ giống nhau; người ta biết đến họ qua những câu ngắn và dễ nhớ mà mỗi vị cảm ứng ra; đến ngày tụ họp, họ dâng những câu này làm của lễ đầu mùa lên Apollon ở đền Delphes, nơi có ghi khắc những lời sấm mà mọi người đều biết: ‘*Này người (anh, chị, ông, bà), hãy biết mình !*’ và ‘*Đừng quá lạm*’ »⁴⁸.

Nguồn suối chung của văn hóa Cổ Hy Lạp, theo chứng cứ của Platon ở đây, hẳn không phải là truy tìm nguyên lý vũ trụ hay diễn tả bản chất quý thần, nhưng là lắng nghe Lời từ « bên kia bờ » vọng lại mặc khải nhân tính trong tương giao hàm ngụ trong chữ « ΣΕΑΥΤΟΝ, ΤΟΙ, YOU, NÀY NGƯỜI ! », ở ngôi thứ hai trong sấm ngôn « γῶθι σεαυτόν ». Sấm ngôn phát sinh từ ngôi thứ nhất, Ngôi Vị Siêu Việt ẩn kín (mà Socrate thường dùng chữ Δαίμων để gọi ý), Nguồn của Lời nói đến gọi con người, nối kết tương giao với con người và nâng con người lên đồng sàng với mình trong một « hôn nhân mới » (một Γάμος thần thánh như lối nói của của Eschyle và Sophocle).

Vì lý lịch con người là tương giao với Kẻ Khác ẩn kín, nên từ sức sống của tương giao này, Socrate phải hoàn thành nhân tính mình bằng mối tương thông với những ai khác ông gặp gỡ. Hai mối tương giao với Thần và với người này gắn bó với nhau trong tư tưởng Socrate, và được chứng thực trong cuộc sống hằng ngày của ông. Gặp Kẻ Khác ẩn kín để tiếp nhận thần lực, gặp gỡ những con người với nhau nhau để cùng thức tỉnh nhau về lối đi không lối thoát mà con người cùng đang đi, để cùng đối diện với ‘hố thẳm’ phân cách giữa hai thân phận, hai mối tương giao mâu thuẫn gắn liền với nhân tính:

« Thưa quý Tòa, mỗi lần tôi đặt kẻ khác trước sự thách đố, người tham dự nghĩ là tôi hẳn phải thông thạo về những nội dung tôi thách đố họ; nhưng thật ra Đạo lý này là ơn phúc của Thần, là sấm ngôn đến nói cho chúng ta hay rằng sự hiểu biết của con người không mấy giá trị hoặc đúng hơn là không có giá trị gì cả »⁴⁹.

⁴⁶ PLATON, *Biện hộ Socrate* 22 d-e.

⁴⁷ *Sđd*, 20 e.

⁴⁸ PLATON, *Le Protagoras* 343 b.

⁴⁹ PLATON, *Biện hộ Socrate* 23 a.

Nhưng trong nháy mắt, sấm ngôn : *‘Này người (anh, chị, ông, bà), hãy biết mình !’* vốn mặc khải nhân tính trong mối tương giao với Kẻ Khác bất ngờ đến với mình, và với những kẻ khác mà mình gặp gỡ, thì nay sấm ngôn ấy bị trượt ngã để được hiểu là châm ngôn triết học *«mình tự biết mình, do chính mình – se connaitre soi-même»*. Trong tiền kiến của châm ngôn *«mình tự biết mình»* này, nhân tính nay lại được xây dựng trên chân lý có tên là nguyên lý đồng nhất (*principe d'identité*) còn gọi là tự thân (*le Soi*), nguyên lý được Platon dần hồi khai thác và hệ thống hóa vào giai đoạn hai của các tác phẩm ông viết, đặc biệt trong các đối thoại *Le Parménide, Le Sophiste*.

Trực giác về sự sống của nhân tính nơi tương giao thần thánh với Kẻ Khác và đến từ Kẻ Khác, tương giao được cảm nhận từ âm vang nơi tên gọi *«Này người (anh, chị, ông, bà)» ở ngôi thứ hai*, - tương giao mà Héraclite gọi là *Λόγος*, các nhà Bi kịch Hy Lạp gọi là *Γάμος* -, nay bị gián lược thành một lối hiểu biết ‘tự thân’ dựa trên nguyên tắc đồng nhất, vốn là nguyên tắc của hiểu biết giúp con người làm chủ sự vật. Bước trật chân ấy thực ra Socrate đã cảnh giác mạnh mẽ như sau trong *Đối thoại Le Charmide* của Platon⁵⁰ :

«Trong trường hợp này⁵¹, người có sự khôn ngoan lại là người một mình tự mình biết mình; một mình mình xét định được cái gì mình biết và cái gì mình không biết; chỉ do tự mình mình, mình biết kẻ khác để xét xem kẻ khác biết gì, nghĩ gì, và đồng thời biết kẻ khác cũng có khả năng như mình. Không ai ngoài mình có khả năng này ngoài nỗ lực của chỉ chính mình! Đó chính là điều gọi là có được sự khôn ngoan, là hiểu biết chân thật. Và như thế, ‘tự mình biết mình’ là do mình, mình biết điều mình biết và điều mình không biết»⁵².

Nay con người hiểu biết là vị vua một cõi (xem Oedipe, vua một cõi ở thành Thèbes trong *Oedipe-Vua* của Sophocle). Ai Khác (Thần) và mọi người khác đều bị (giết) biến thể thành những ý niệm, những đối tượng dưới quyền năng hiểu biết mà mình là chủ thể.

Dưới ánh sáng *«đến từ bờ bên kia»*, - ánh sáng đến từ mối tương giao nâng con người lên *ngôi thứ hai*, kẻ được Thần gọi là *anh chị, ông bà...* để đồng sáng -, người khiêm tốn Socrate đã giúp *«người tự nhận là khôn ngoan» Critias* đối diện với bề tặc của con đường *«tự mình biết mình»*, con đường tiền kiến *«tự thân (le Soi) là chân lý»*. Nhưng những lời cảnh giác trong *Đối thoại Le Charmide* đã bị ánh sáng của một *homo sapiens* Oedipe, mẫu mực của truyền thống tư tưởng triết học, che mờ.

Thật thế, không phải câu nói của Hegel: *«ý thức tự thân là quê hương của chân lý»⁵³* vốn là mẫu mực cho tư tưởng truyền thống triết học hay sao?

Nhân danh Socrate là thầy, truyền thống văn hóa *homo sapiens* đã lên án Socrate chết thêm một lần nữa.

Socrate chứng nhân cho cuộc chiến thần thánh giữa một bên nhân tính chân thật nơi tương giao với Kẻ Khác và những người khác, và bên kia là nhân tính lầm lạc nơi ‘tự thân’ (*le Soi*), nay trở

⁵⁰ *Đối thoại* này nằm trong thời kỳ đầu của các tác phẩm Platon.

⁵¹ Trường hợp nhân tính là tự thân (*le soi*) theo giải thích của nhà tự cho mình là khôn ngoan (*sophiste*) Critias.

⁵² PLATON, *Le Charmide*, 167 a.

⁵³ Để nhận ra bước trật chân gián lược sấm ngôn mặc khải nhân tính *«Này anh, này chị... hãy ý thức nhân tính»* thành châm ngôn *«tự mình biết mình»* ngay trong tiến trình đối thay đây mâu thuẫn của tư tưởng Platon, và trong văn hóa Hy Lạp, ta có thể đọc những nhận định sau đây của Georges GUSDORF, trong khảo luận có tựa đề là *Les Origines des sciences humaines*, Payot, Paris, 1985, tr. 24 ; 29 : *«La passage de la préhistoire à l'histoire de la culture se réalise lorsque la conscience pré-réfléchie cède la place à une organisation réfléchie de la connaissance .. L'affirmation sophiste peut être résumée par la formule de Protagoras : 'l'homme est la mesure de toutes choses', dont le précepte socratique dégage la conséquence : 'connais-toi toi-même'. Autrement dit, selon la parole admirable de Hegel : 'la conscience de soi est la terre natale de la vérité. Toute affirmation de l'homme est en dernière analyse une affirmation humaine.»*

thành thầy Socrate chỉ dạy con đường văn hóa xuyên qua cuộc vật lộn với vũ trụ và thời gian tự nhiên nhằm chế ngự thế giới khả giác và hữu hình ấy, để « siêu thoát ! » trở thành một bản tính cô đơn, tự do, tự tại, nơi thế giới thường hằng và khả tri.

Thực ra, vào thời Bi kịch Hy Lạp, đặc biệt vào thế kỷ thứ V trước công nguyên, còn gọi là thế kỷ của Péricles, Nhã điển đã là một thành phố văn minh cao độ, so với các cộng đồng con người trên thế giới. Trong cuốn *Biện hộ Socrate*, Platon đã cho chúng ta thấy rõ sự kiện lịch sử đó⁵⁴. Nhưng các nhà tư tưởng Bi kịch, cũng như các nhà tư tưởng Héraclite, Parménide, Socrate... không hề cho chúng ta thấy họ đã từng có sáng kiến kỹ thuật, phát minh nghệ thuật nào để tô bồi cho sinh hoạt xã hội văn minh này. Và họ cũng không hề làm chứng nhân để phát ngôn cho nền dân chủ Thành Nhã-điển, hoặc ca tụng hay lên án một hình thức tổ chức xã hội nào liên quan. Không phải họ không lưu ý đến thể thái nhân tình, không phải họ trốn tránh nghĩa vụ trau dồi kiến thức, làm cha gia đình, làm người công dân..., ngược lại là khác. Nhưng sứ mạng văn hóa mà họ cảm thấy có bổn phận thực thi, và nội dung duy nhất của văn hóa mà họ cảm hứng được, đã buộc họ cảnh giác nguy cơ nghiêm trọng hơn cả : *đó là cái chết của nhân tính*⁵⁵, và nêu lên điều đáng phải làm trước tiên : *đó là ý thức nhân tính và hoàn thành nhân tính của mình*.

Và sứ mạng đó, nội dung đó đối với họ được gọi là Tư tưởng, Đạo lý hay Văn hóa.

Socrate đã sống và chết cho sứ mạng này.

Đồng thanh với các nhà tư tưởng Cổ Hy Lạp khác, Sophocle lại nhắc nhở nguy cơ gắn liền với thân phận con người bất cứ ở đâu và vào thời nào, đó là nhân tính bị hiểu lầm *tự thân (le Soi)*. Nhân tính chết vì chìm đắm trong ‘tự thân’ chứ không phải bị tiêu vong vì « sinh lão bệnh tử » hoặc bất cứ hiện tượng nào trước mắt. Con nhân-sur (*Sphinx*) được truyền thống triết học xem là tượng trưng cho tiếng ca khải hoàn vào buổi khai sinh văn hóa⁵⁶, kỳ thực đối với các vị

⁵⁴ PLATON, *Biện hộ Socrate* 29 d-e : « Hỡi bạn là công dân thành Nhã điển, là người văn minh hơn cả, là một công dân của thành phố hùng mạnh nhất, của một thành phố nổi danh về kiến thức và giàu có, bạn không thấy hổ ngươi vì mãi mê chạy theo của cải, tiếng tăm cũng như các danh vọng này khác, trong lúc đó bạn không hề lo, không hề biết đến tư tưởng, chân lý và nhân tính (linh hồn) của bạn .»

⁵⁵ Xem câu thơ bất hủ của thi hào Hoelderlin : « *Nhưng nguy cơ ở nơi nao, thì ở đấy trào dâng nguồn cứu độ* » (Hoelderlin, IV, 190).

⁵⁶ Để thấy rõ hồ thắm ngăn cách văn hóa Cổ Hy Lạp và sự kiện được gọi là *phép lạ Hy Lạp* khai sinh tư tưởng triết học ta có thể đối chiếu câu thơ về tiếng hát phình gạt của con Nhân-sur (Σφίγξ) trong bản kịch *Oedipe-Vua* của Sophocle, với lời ca tụng con Nhân-sur ấy qua ngòi viết của các triết gia.

Trong một chương mang tựa đề « La naissance de la philosophie » của biên khảo *Đối thoại với Heidegger*, Jean Beaufret đã mô tả việc khai sinh triết học liên quan đến tiếng hát khải hoàn của con Nhân-sur như sau :

[Cette percée de l'homme dans le monde est-elle cependant spécifiquement grecque ? L'homme n'y a-t-il pas percé un peu partout, avant la Grèce et en dehors d'elle ? Ou faut-il dire qu'il a autrement et peut-être mieux percé en Grèce que partout ailleurs ? C'était la pensée de Hegel, dans le contraste qu'il établissait, au cours de ses leçons sur l'Esthétique, entre la Grèce et l'Égypte, où la percée de l'homme n'avait encore donnée lieu qu'à l'apparition de l'énigme, symbolisée par le Sphinx. Dans le mythe grec au contraire, ajoutez-t-il, le Sphinx est lui-même interprété comme le monstre posant des énigmes :

‘...on sait la question énigmatique qu'il avait posée : quel est l'animal qui marche le matin sur quatre pattes, à midi sur deux, et sur trois le soir. Oedipe trouva le mot de cette énigme en disant que c'était l'homme, et précipita le Sphinx au bas du rocher.

*A la réponse d'Oedipe, fait écho le **connais-toi**, que Socrate, bien plus tard, lisait méditativement sur l'inscription de Delphes.... Au lieu de : « porte-toi bien » le dieu dit de plus haut : « Sache te connaître » et parla « deviens qui tu es » à savoir un homme.... Si l'homme est l'homme, c'est donc par cette énigmatique*

thánh hiền, đó chính là nguy cơ tối hậu che khuất dấu tích tìm về nhân tính *linh u vạn vật* của con người :

Créon : « *Con nhân-su ấy với tiếng tru tréo phình phò đã luôn buộc chúng tôi quên mất những gì ẩn kín siêu việt, vượt lên trí năng, để chỉ nhìn nguy cơ đang trước (nhìn với mắt người trần)- Η ποικιλωδός Σφήζ τὸ πρὸς ποσί σκοπεῖν μεθέντας ἡμᾶς τᾶφανῆ προσήγετο. Η ποικιλωδός Σφήζ τὸ πρὸς ποσί σκοπεῖν μεθέντας ἡμᾶς τᾶφανῆ προσήγετο.* »⁵⁷

«philosophie ». *La question : qu'est-ce que l'homme ? nous renvoie donc à la question : qu'est-ce que la philosophie ? L'homme ne perce vraiment comme homme que par la percée, en lui, de la philosophie !* »]. Jean BEAUFRET, *Dialogue avec Heidegger*, édit. De Minuit, Paris, 1973, pp. 21-22.

⁵⁷ SOPHOCLE, *Oedipe-Vua*, câu 130.